



TỜ TRÌNH KÝ
Số:

Mã số: BM-QT-HSPC-01-01

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 15/03/2018

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Loại Hồ sơ cần trình ký: Hợp đồng BBBG,NT BBTL

Tên khách hàng: Công ty cổ phần tư vấn và giải pháp công nghệ Đông Nam Á Người ký: Trần Duy Tuấn Chức vụ: Giám đốc Nội dung: Cung cấp phần mềm quản lý trường đại học Giá trị ký HĐ: 10.766.500.000 Bằng chữ: Mười tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng.		Bộ phận chủ trì/triển khai HĐ (Ký và ghi rõ họ tên) KT N.T.Hương.
Điều khoản thanh toán HĐ		
Phương án kinh doanh (đã được phê duyệt): Ý kiến của Ban kiểm soát:		Ban HS-PC (Ký và ghi rõ họ tên) N.T.Hương
Ngày bắt đầu triển khai HĐ:		
Ngày kết thúc HĐ:		Ban TC-KT (Ký và ghi rõ họ tên) Jnh
Đại diện BTGD ký:		
Chức vụ:		
Ban Tổng Giám đốc/Người được ủy quyền		
Thông tin giao nhận trình ký		
Ngày giao trình ký: Người giao (Ký và ghi rõ họ tên)	Ngày nhận trình ký: Người nhận (Ký và ghi rõ họ tên)	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP PHẦN MỀM
Số: 68 /2024/HĐKT/ĐNA-FSI

V/v Cung cấp Phần mềm quản lý trường đại học

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2015 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật thương mại năm 2005 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 30 tháng 08 năm 2024, chúng tôi ký tên dưới đây gồm có:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ ĐÔNG NAM Á

Địa chỉ : Số 5 ngách 1/2 Trần Quốc Hoàn, tổ 11, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 098.167.5335

Mã số thuế : 0106416103

Tài khoản số : 1731000287083 - Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội

Đại diện là : **Ông Trần Duy Tuấn** - Chức vụ: Giám đốc

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ FSI

Địa chỉ : Số 8, ngõ 68 đường Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 024.3767.5677

Mã số thuế : 0102458889

Tài khoản số : 0081100147009 - Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nội

Đại diện là : **Bà Phạm Thị Huệ Anh** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy Ủy quyền số: 03/2024/GUQ-CTHDQT ký ngày 08 tháng 6 năm 2024)

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa theo các điều khoản sau:

Điều 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Bên B nhận cung cấp cho Người dùng cuối (End-user) của Bên A “**Phần mềm quản lý trường đại học**” được gọi tắt dưới đây là **phần mềm** với các tính năng được nêu chi tiết tại điều 4.

- Thời hạn bản quyền sử dụng: Không thời hạn
- Xuất xứ phần mềm: Việt Nam.

2. Việc triển khai **phần mềm** được tiến hành tại Người dùng cuối (End-user):

- Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch;
- Địa chỉ: Số 2 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

được gọi tắt dưới đây là Người dùng cuối (End-user).

Điều 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

1. Quyền của bên A

- Yêu cầu Bên B cung cấp hàng hóa đảm bảo tiến độ, quy cách, chất lượng theo đúng quy định của Hợp đồng.

- Có quyền sử dụng đối với phần mềm kể từ thời điểm hai Bên ký biên bản bàn giao và nghiệm thu phần mềm và Bên A đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng.

- Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật, Bên A được quyền yêu cầu và Bên B và bên B có trách nhiệm cung cấp các hồ sơ, tài liệu để chứng minh việc cung cấp hàng hoá của Bên B là phù hợp quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ bên A

- Bên A cung cấp cho Bên B đầy đủ các thông tin, tài liệu về chức năng, quy trình nghiệp vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện công việc của mình trong phạm vi Hợp đồng.

- Bên A đảm bảo điều kiện vật chất tại địa điểm triển khai bao gồm: máy trạm, máy chủ, phần mềm hệ thống, mạng LAN ..., và đảm bảo cung cấp đầy đủ số liệu đầu vào để hệ thống có thể triển khai có hiệu quả.

- Bên A phối hợp với Bên B trong việc tổ chức đào tạo, chuyển giao và tiến hành nghiệm thu kỹ thuật hệ thống.

- Có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu **phần mềm** khi có yêu cầu từ phía Bên B và hai bên đã ký biên bản nghiệm thu phần mềm và đưa vào sử dụng.

- Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng cho Bên B theo điều 4 của hợp đồng này.

- Chịu phạt và bồi thường cho bên B những thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh theo quy định của Hợp đồng.

- Tuân thủ các quy định về bảo hộ quyền tác giả và quyền sở hữu trí tuệ đối với Phần mềm được cài đặt, không sao chép Phần mềm dưới mọi hình thức trừ trường hợp được sự

đồng ý của Bên B.

Điều 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

1. Quyền của bên B

- Yêu cầu Bên A thanh toán theo đúng quy định của Hợp đồng.
- Yêu cầu Bên A tạo mọi điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện Hợp đồng, đảm bảo kho bãi, địa điểm, nhân sự để tiếp nhận và nghiệm thu hàng hóa.

2. Nghĩa vụ của bên B

- Thực hiện hợp đồng đúng thời hạn quy định. Đảm bảo sản phẩm được bàn giao là sản phẩm luôn trong trạng thái hoạt động bình thường, ổn định, chất lượng, hoạt động liên tục trong suốt quá trình sử dụng phần mềm (trừ trường hợp các lỗi phát sinh không liên quan sản phẩm tại điều 1 và trường hợp bất khả kháng theo quy định của hợp đồng) và đồng thời có phương án khắc phục tại chỗ các sự cố bất thường do lỗi chương trình gây ra.

- Bàn giao toàn bộ chương trình cài đặt phần mềm cho bên A và End-User. Thực hiện cài đặt, triển khai phần mềm, hướng dẫn cài đặt, đào tạo.

- Có trách nhiệm tiếp nhận và tiến hành xử lý sự cố hệ thống cho End-User chậm nhất trong vòng 24h khi có thông báo trong thời gian bảo hành.

- Cung cấp tài liệu hướng dẫn cho bên A và End-User.

- Chịu phạt và bồi thường cho Bên A những thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh theo quy định của Hợp đồng.

- Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của hàng hóa mà Bên B cung cấp cho Bên Mua theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Bên B cam đoan và bảo đảm rằng Bên B có đầy đủ đầy đủ năng lực, giấy phép, quyền hạn, thẩm quyền, sự chấp thuận cần thiết, tuân thủ đúng các trách nhiệm để thực hiện Hợp đồng và các hoạt động liên quan đến Hợp đồng theo quy định của pháp luật như quyền sở hữu của Bên A đối với hàng hóa sau khi mua bán không bị tranh chấp bởi bên thứ ba, hàng hóa và việc chuyển giao hàng hóa cho Bên A phải hợp pháp, hàng hóa bảo đảm mục đích sử dụng cho Bên A.

- Báo trước cho Bên A ít nhất 3 ngày lịch nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

Điều 4: GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá hợp đồng : 10.766.500.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng./.)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
A	PHẦN MỀM QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC	Hệ thống	1	10.766.500.000	-	10.766.500.000
I	Phân hệ quản lý điều hành	Phân	1	2.644.500.000	-	2.644.500.000

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
		hệ				
1	Quản trị hệ thống	module	1	175.000.000		175.000.000
2	Quản lý danh mục dùng chung	module	1	130.000.000		130.000.000
3	Trang/công thông tin điện tử	module	1	430.000.000		430.000.000
4	Quản lý tài chính – kế toán	module	1	260.000.000		260.000.000
5	Quản lý nhân sự	module	1	215.000.000		215.000.000
6	Quản lý tài sản, vật tư, trang thiết bị	module	1	260.000.000		260.000.000
7	Quản lý văn bản	module	1	175.000.000		175.000.000
8	Hệ thống thư điện tử nội bộ	module	1	86.500.000		86.500.000
9	Quản lý hợp tác quốc tế	module	1	130.000.000		130.000.000
10	Quản lý công việc	module	1	86.500.000		86.500.000
11	Quản lý ký túc xá	module	1	86.500.000		86.500.000
12	Quản lý định danh và đăng nhập 1 lần (SSO)	module	1	175.000.000		175.000.000
13	Trục liên thông	module	1	130.000.000		130.000.000
14	Quản lý minh chứng trong đảm bảo chất lượng	module	1	130.000.000		130.000.000
15	Hệ thống báo cáo, phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định	module	1	175.000.000		175.000.000
II	Phân hệ quản lý tuyển sinh	Phân hệ	1	694.500.000	-	694.500.000
16	Cổng thông tin tuyển sinh	module	1	260.000.000		260.000.000
17	Quản lý thông tin tuyển sinh (đào tạo cấp chứng chỉ, trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học)	module	1	175.000.000		175.000.000
18	Hệ thống tuyển sinh trực tuyến (đào tạo cấp chứng	module	1	86.500.000		86.500.000

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
	chỉ, trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học)					
19	Dịch vụ trực tuyến các thủ tục tuyển sinh, nhập học	module	1	86.500.000		86.500.000
20	Quản lý, khai thác dữ liệu và hỗ trợ tuyển sinh	module	1	86.500.000		86.500.000
III	Phân hệ quản lý đào tạo	Phân hệ	1	3.259.500.000	-	3.259.500.000
21	Cổng thông tin người học	module	1	175.000.000		175.000.000
22	Quản lý hồ sơ người học	module	1	175.000.000		175.000.000
23	Quản lý chương trình đào tạo	module	1	130.000.000		130.000.000
24	Quản lý kết quả học tập	module	1	130.000.000		130.000.000
25	Quản lý khen thưởng và kỷ luật	module	1	130.000.000		130.000.000
26	Quản lý tài chính người học	module	1	130.000.000		130.000.000
27	Quản lý tốt nghiệp, văn bằng, chứng chỉ	module	1	130.000.000		130.000.000
28	Quản lý kế hoạch đào tạo	module	1	130.000.000		130.000.000
29	Quản lý thời khoá biểu	module	1	130.000.000		130.000.000
30	Quản lý lịch giảng của giảng viên	module	1	86.500.000		86.500.000
31	Quản lý thông tin cựu sinh viên, học viên	module	1	86.500.000		86.500.000
32	Thống kê giờ giảng và chi trả	module	1	130.000.000		130.000.000
33	Thanh toán học phí điện tử	module	1	260.000.000		260.000.000
34	Các ứng dụng di động để liên lạc điện tử giữa nhà trường, phụ huynh và người học	module	1	260.000.000		260.000.000
35	Thi trực tuyến	module	1	175.000.000		175.000.000

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
36	Hệ thống đào tạo mô phỏng	module	1	175.000.000		175.000.000
37	Hệ thống hỗ trợ giảng viên xây dựng học liệu điện tử	module	1	175.000.000		175.000.000
38	Dịch vụ trực tuyến các thủ tục trong quá trình học tập tại trường	module	1	175.000.000		175.000.000
39	Dịch vụ trực tuyến các thủ tục sau khi tốt nghiệp	module	1	130.000.000		130.000.000
40	Hệ thống chống đạo văn	module	1	130.000.000		130.000.000
41	Điểm danh thông minh	module	1	86.500.000		86.500.000
42	Lớp học thông minh	module	1	130.000.000		130.000.000
IV	Phân hệ quản lý đào tạo trực tuyến	Phân hệ	1	1.697.000.000	-	1.697.000.000
43	Quản lý kế hoạch đào tạo trực tuyến	module	1	175.000.000		175.000.000
44	Quản lý thời khóa biểu	module	1	86.500.000		86.500.000
45	Quản lý lịch giảng	module	1	86.500.000		86.500.000
46	Quản lý người học	module	1	86.500.000		86.500.000
47	Quản lý khoá học	module	1	86.500.000		86.500.000
48	Quản lý lớp học	module	1	86.500.000		86.500.000
49	Quản lý bài học	module	1	86.500.000		86.500.000
50	Quản lý điểm	module	1	130.000.000		130.000.000
51	Quản lý hội thảo/chuyên đề đào tạo trực tuyến	module	1	132.500.000		132.500.000
52	Quản lý thư viện đào tạo trực tuyến	module	1	132.500.000		132.500.000
53	Ứng dụng (app) đào tạo trực tuyến trên thiết bị di động	module	1	260.000.000		260.000.000
54	Thi trực tuyến	module	1	175.000.000		175.000.000
55	Quản lý studio	module	1	86.500.000		86.500.000
56	Tích hợp với các phần mềm	module	1	86.500.000		86.500.000

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
	dạy học trực tuyến					
V	Phân hệ quản lý nghiên cứu khoa học và tạp chí	Phân hệ	1	732.000.000	-	732.000.000
57	Quản lý đề xuất đề tài	module	1	43.000.000		43.000.000
58	Quản lý đăng ký, xét duyệt, phê duyệt đề tài	module	1	86.500.000		86.500.000
59	Quản lý kế hoạch nghiên cứu khoa học	module	1	86.500.000		86.500.000
60	Quản lý thông tin đề tài nghiên cứu khoa học theo các cấp	module	1	43.000.000		43.000.000
61	Quản lý lý lịch khoa học	module	1	43.000.000		43.000.000
62	Quản lý sinh hoạt khoa học	module	1	43.000.000		43.000.000
63	Quản lý hội nghị, hội thảo khoa học	module	1	43.000.000		43.000.000
64	Quản lý giải thưởng nghiên cứu khoa học	module	1	43.000.000		43.000.000
65	Quản lý sáng chế	module	1	43.000.000		43.000.000
66	Quản lý tạp chí	module	1	43.000.000		43.000.000
67	Quản lý quá trình thực hiện đề tài	module	1	43.000.000		43.000.000
68	Quản lý tài chính đề tài	module	1	43.000.000		43.000.000
69	Quản lý các công bố khoa học	module	1	43.000.000		43.000.000
70	Quản lý chuyển giao kết quả nghiên cứu	module	1	43.000.000		43.000.000
71	Kết nối thông tin khoa học với các tổ chức ngoài trường	module	1	43.000.000		43.000.000
VI	Phân hệ quản lý thư viện	Phân hệ	1	951.500.000	-	951.500.000
72	Quản lý bạn đọc	module	1	86.500.000		86.500.000

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
73	Quản lý đầu sách, báo, tạp chí	module	1	86.500.000		86.500.000
74	Quản lý đề tài, luận văn, luận án	module	1	86.500.000		86.500.000
75	Tra cứu thông tin tài liệu	module	1	86.500.000		86.500.000
76	Biên mục tài liệu	module	1	86.500.000		86.500.000
77	Dịch vụ trực tuyến các thủ tục liên quan tới thư viện	module	1	86.500.000		86.500.000
78	Quản lý quá trình lưu thông tài liệu	module	1	86.500.000		86.500.000
79	Quản lý liên thư viện	module	1	86.500.000		86.500.000
80	Quản lý tài liệu số	module	1	86.500.000		86.500.000
81	Hệ thống mượn, trả tài liệu trực tuyến	module	1	86.500.000		86.500.000
82	Tra cứu OPAC	module	1	86.500.000		86.500.000
VII	Phân hệ quản lý cơ sở thực hành - thực tập	Phân hệ	1	787.500.000	-	787.500.000
83	Quản lý thông tin các cơ sở thực hành - thực tập	module	1	112.500.000		112.500.000
84	Quản lý hợp đồng đào tạo thực hành - thực tập	module	1	112.500.000		112.500.000
85	Quản lý kế hoạch thực hành - thực tập	module	1	112.500.000		112.500.000
86	Quản lý sinh viên thực hành - thực tập	module	1	112.500.000		112.500.000
87	Quản lý kết quả thực hành - thực tập	module	1	112.500.000		112.500.000
88	Quản lý quá trình thực hành - thực tập	module	1	112.500.000		112.500.000
89	Chia sẻ dữ liệu quản lý đào tạo với cơ sở thực hành - thực tập	module	1	112.500.000		112.500.000

- Giá trị Hợp đồng trên là giá trọn gói, đã bao gồm tất cả các chi phí cho việc thực hiện hoàn chỉnh sản phẩm phần mềm theo quy định tại bảng trên, nhằm đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật và các chi phí vận chuyển, cài đặt sản phẩm, đào tạo và hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ kỹ thuật tại địa điểm của **Người dùng cuối (End-user)**

- Phần mềm và các dịch vụ kèm theo phần mềm là đối tượng không chịu thuế GTGT.

2. Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán giá trị hợp đồng cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản bên B theo hai đợt:

- Đợt 1: Bên A tạm ứng cho Bên B là 30% trên tổng giá trị hợp đồng tương đương với số tiền **3.229.950.000 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm hai mươi chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng./.) ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

Số tiền tạm ứng được thu hồi bằng cách giảm trừ theo tỷ lệ tương ứng trong các lần thanh toán và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị nghiệm thu hoàn thành đạt 80% giá trị Hợp đồng đã ký.

Hồ sơ tạm ứng bao gồm:

+ Văn bản đề nghị tạm ứng (01 bộ gốc);

- Đợt 2: Bên A thanh toán cho Bên B là 100% trên tổng giá trị hợp đồng còn lại (sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng **3.229.950.000 đồng**) tương đương với số tiền **7.536.550.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng./.) trong vòng 10 ngày làm việc sau khi hai bên tiến hành nghiệm thu, bàn giao và Bên B cung cấp hóa đơn tài chính cho Bên A và bên A nhận đủ số tiền thanh toán từ **End-user**.

Điều 5: THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ CHUYỂN GIAO PHẦN MỀM CÙNG CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

Địa điểm giao hàng được thực hiện tại địa chỉ của **Người dùng cuối (End-user)**; Thời gian giao hàng: Ngày Bên B bàn giao sản phẩm và có biên bản nghiệm thu được Bên A xác nhận.

Bên B bắt đầu thực hiện các nội dung công việc trong hợp đồng kể từ khi nhận được tạm ứng đợt 1.

Kế hoạch thực hiện sẽ được thành lập và điều chỉnh cụ thể bởi người quản trị dự án Bên B và thống nhất với Ban quản trị dự án của **Người dùng cuối (End-user)** trong quá trình thực hiện hợp đồng.

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là 1 năm kể từ ngày bên B nhận được khoản tạm ứng từ bên A.

2. Chuyển giao phần mềm và các tài liệu kèm theo:

(i) Bên A và Bên B đồng ý rằng, việc thực hiện Hợp đồng của Bên B được coi là hoàn thành khi:

- Toàn bộ nội dung công việc quy định tại Hợp đồng đã được Bên B thực hiện đầy

đủ;

- Toàn bộ công việc và tài liệu được liệt kê tại mục (ii) Điều này đã được hoàn thành và bàn giao cho Bên A.

(ii) Bên B sẽ bàn giao cho Bên A các công việc mà Bên B đã thực hiện như sau:

- Cài đặt và đưa vào vận hành hệ thống phần mềm tại địa điểm **Người dùng cuối (End-user)** mà Bên A yêu cầu trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Hợp đồng này;

- Hướng dẫn, đào tạo cán bộ/nhân viên của **Người dùng cuối (End-user)** nắm vững, sử dụng thành thạo các chương trình của phần mềm;

- Bàn giao toàn bộ các tài liệu sau cho Bên A:

a) Bộ chương trình cài đặt phần mềm;

b) Các tài liệu hướng dẫn sử dụng.

Điều 6: BẢO MẬT THÔNG TIN

1. Hai bên phải bảo mật các thông tin được cung cấp, và không được tiết lộ hay sử dụng các thông tin này cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài phạm vi của Hợp đồng.

2. Với mục đích của Hợp đồng này, “Thông tin mật” bao gồm tất cả các thông tin hay tài liệu có hoặc có thể có giá trị thương mại hoặc hữu ích trong hoạt động kinh doanh của hai bên. Thông tin hoặc tài liệu có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin về tài chính, ngân sách của dự án hoặc doanh nghiệp, kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường, việc xây dựng và triển khai dự án, thông số kỹ thuật, các thiết kế, kế hoạch, bản vẽ, phần mềm, vật mẫu và/hoặc thông tin kỹ thuật, và tất cả các bản sao, các bản phát sinh có chứa thông tin tương tự và các dịch vụ khác có liên quan hoặc thông tin bổ sung khác. Thông tin mật cũng bao gồm sở hữu trí tuệ.

3. Điều khoản này vẫn tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt.

Điều 7: BẢO QUYỀN

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến sản phẩm phần mềm mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

Điều 8: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

1. Trường hợp Bên A thanh toán không đúng hạn như quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, Bên A sẽ phải trả cho Bên B mức phạt tương ứng với 1% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm tính cho mười ngày chậm đầu tiên và 0,5% cho mỗi ngày chậm tiếp theo cho đến khi nội dung công việc trong hợp đồng được thực hiện nhưng mức phạt tối đa không quá 8% tổng giá trị hợp đồng. Đồng thời bồi thường cho Bên A những thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh. Bên B có quyền cộng dồn khoản phạt và bồi thường thiệt hại vào nghĩa vụ thanh toán của Bên A cho Bên B. Cụ thể, được thực hiện theo nội dung đề nghị thanh toán của Bên B gửi Bên A.

2. Nếu Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp

đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được bên A gia hạn thì bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường thiệt hại hoặc một khoản tiền phạt tương ứng với 1% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm tính cho mười ngày chậm đầu tiên và 0,5% cho mỗi ngày chậm tiếp theo cho đến khi nội dung công việc trong hợp đồng được thực hiện nhưng mức phạt tối đa không quá 8% tổng giá trị hợp đồng. Đồng thời bồi thường cho Bên A những thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh.

3. Khi mức phạt đạt đến tối đa 8% giá trị Hợp đồng, một trong các Bên có quyền xem xét chấm dứt Hợp đồng theo quy định của Hợp đồng và/hoặc khởi kiện để giải quyết vụ việc tại Cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp (bao gồm nhưng không giới hạn: Chi phí Luật sư, chi phí với các Cơ quan tài phán theo quy định..) phát sinh do bên thua kiện chi trả.

4. Nếu một bên đơn phương chấm dứt/hủy Hợp đồng này mà không thuộc những điều khoản cho phép đơn phương chấm dứt/hủy Hợp đồng thì phải chịu phạt 5% tổng giá trị phần nghĩa vụ vi phạm đồng thời phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại thực tế theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 cho bên bị vi phạm.

Điều 9. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

1. “Sự kiện Bất khả kháng” là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được làm ảnh hưởng tới việc thực hiện Hợp đồng mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép của mỗi Bên hoặc Các Bên. Sự kiện Bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm họa, dịch bệnh, thực hiện quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà Các Bên không thể biết trước được vào thời điểm giao kết và thực hiện Hợp đồng, hệ thống thiết bị của mỗi Bên hoặc Các Bên gặp sự cố kỹ thuật trong quá trình vận hành khai thác và các Sự kiện Bất khả kháng khác.

2. Trường hợp một Bên không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình do Sự kiện Bất khả kháng (“Bên bị ảnh hưởng”), Bên bị ảnh hưởng sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên còn lại (“Bên không bị ảnh hưởng”) bằng văn bản về Sự kiện Bất khả kháng chậm nhất trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện Bất Khả kháng và thường xuyên thông báo về quá trình khắc phục, giải quyết Sự kiện Bất khả kháng.

3. Bên không thực hiện được nghĩa vụ sẽ gửi thông báo bằng thư bảo đảm và/ hoặc email cho Bên kia các bằng chứng về việc xảy ra Sự kiện Bất khả kháng, khoảng thời gian xảy ra Sự kiện Bất khả kháng và những hậu quả có thể xảy ra liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.

4. Bên bị ảnh hưởng có trách nhiệm thực hiện mọi nỗ lực và các biện pháp cần thiết để giảm thiểu ảnh hưởng của Sự kiện Bất khả kháng đối với việc thực hiện nghĩa vụ của mình.

5. Khi Sự kiện Bất khả kháng xảy ra thì nghĩa vụ của Các Bên theo Hợp đồng tạm thời không thể thực hiện được sẽ không được xem là hành vi vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng này và sẽ ngay lập tức phục hồi các nghĩa vụ của mình khi Sự kiện bất khả kháng chấm dứt hoặc bị

loại bỏ.

Điều 10: HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng trọn gói.

Điều 11: BẢO HÀNH

1. Bên B có trách nhiệm bảo hành miễn phí 12 tháng sau nghiệm thu hợp đồng.
2. Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch - Địa chỉ: Số 2 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bên B thực hiện bảo hành bằng nhiều hình thức, tùy theo mức độ phức tạp của tình huống phát sinh cần phải bảo hành, bao gồm: chỉnh sửa tại chỗ, trực tuyến hoặc hướng dẫn chỉnh sửa qua điện thoại, email không muộn hơn 24 giờ kể từ khi được thông báo của bên A hoặc của Khách hàng. Trong trường hợp không khắc phục được sự cố bằng các hình thức trên, Bên B có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật đến trực tiếp tại hiện trường để xử lý trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A hoặc của Khách hàng.

Nội dung bảo hành:

- Kết hợp cả các phương pháp bảo hành tại chỗ, trực tuyến, hướng dẫn qua điện thoại, email ..., bảo đảm phần mềm chạy ổn định. **Người dùng cuối (End-user)** tạo điều kiện cho Bên B có quyền quy cập từ xa (remote access) vào các máy chủ ứng dụng của Người dùng cuối (End-user) và Bên B chủ yếu sẽ sử dụng hình thức bảo hành trực tuyến cho phần mềm;
- Tư vấn, giải đáp thắc mắc sử dụng chương trình;
- Sửa lỗi kỹ thuật của phần mềm (nếu có) và cung cấp bản cài đặt mới.

Đầu mối tiếp nhận yêu cầu xử lý sự cố kỹ thuật, bảo hành, bảo trì của Bên B:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Công nghệ FSI

- Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà A-Z Lâm Viên, số 107A đường Nguyễn Phong Sắc, P Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 024.3767.5677
- Email: info@fsivietnam.com.vn

4. Phạm vi bảo hành: Bên B không bảo hành sản phẩm trong trường hợp sau:
 - Lỗi do hệ thống cơ sở hạ tầng
 - Lỗi do hoạt động của các phần mềm do bên thứ ba cung cấp
 - Lỗi bảo mật do hệ thống gây ra, hoặc do sự phá hoại có chủ ý từ phía người sử dụng
 - Sự cố do việc tự ý điều chỉnh sản phẩm, can thiệp trực tiếp vào CSDL của phần mềm mà không thông báo cho bên B hoặc hãng sản xuất.
5. Sau thời gian bảo hành 12 tháng, nếu có yêu cầu của End-user, Bên B có quyền ký hợp đồng bảo trì trực tiếp với khách hàng mà không cần sự đồng ý của Bên A .

Điều 12: TRANH CHẤP VÀ PHÂN XỬ

Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trường hợp có khó khăn hoặc sự cố khách quan ảnh hưởng tới việc thực hiện hợp đồng thì hai bên sẽ phải thông báo cho nhau bằng văn bản và cùng nhau bàn bạc, giải quyết. Mọi tranh chấp liên quan đến hợp đồng trước tiên được giải quyết trên cơ sở hòa giải.

Trường hợp một trong hai bên vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia thì phải có trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại đã gây ra trên cơ sở các văn bản pháp luật do Nhà nước Việt Nam ban hành.

Trong trường hợp không giải quyết được những bất đồng, tranh chấp thì vụ việc sẽ được đưa ra tòa án kinh tế, Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng, mọi chi phí phát sinh đến quá trình giải quyết tranh chấp do bên thua gánh chịu.

Điều 13: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và Bên B nhận được khoản tiền tạm ứng theo quy định của Hợp đồng này.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
3. Bất kỳ sự chỉnh sửa hoặc bổ sung nào trong Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản (phụ lục Hợp đồng) và ký kết bởi cả Hai Bên, các phụ lục Hợp đồng này là phần không thể tách rời của Hợp đồng.
4. Hợp đồng này kèm phụ lục, được lập thành thành 06 (sáu) bộ, Bên A giữ 04 bộ, bên B giữ 02 bộ, mỗi bộ có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám đốc



Trần Duy Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Thị Huệ Anh